

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN ĐƯỚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 01-02-2021

V/v “*tranh chấp ly hôn giữa
Chị T và anh A*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN ĐƯỚC TỈNH LONG AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Tấn Lợi

2. Ông Trần Quốc Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Lệ Trinh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

Ngày 01 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Đước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 484/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Xuân T**, sinh năm: 1989. Địa chỉ: Số 43, đường số 2, khu phố B, phường 6, Thành phố T, tỉnh Long An (có mặt).

Bị đơn: Anh **Nguyễn Thành A**, sinh năm: 1984. Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06/10/2020 và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Xuân T trình bày: Chị và anh Nguyễn Thành A cưới nhau vào năm 2006, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 09/5/2007 tại UBND xã T, huyện C. Chị và anh A chung sống hạnh phúc được thời gian đầu thì sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, do anh A không quan tâm chăm lo cho vợ con. Chị và anh A đã sống ly thân từ tháng 5/2020 cho đến nay nhưng không bên nào có thiện chí hàn gắn tình cảm. Nay, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh A.

Về nuôi con chung: Chị và anh A có 02 con chung là cháu Nguyễn Trần Hoàng A1, sinh ngày: 28/6/2007 và cháu Nguyễn Ngọc A2, sinh ngày 23/11/2012. Hiện cháu A1 và cháu A2 đang sống cùng chị Tg, khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi các cháu và yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 2.000.000đồng/tháng.

Về chia tài sản: không có.

Về nợ: không có.

Tòa án tiến hành lập thủ tục thông báo về việc thụ lý vụ án và phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị đơn anh Nguyễn Thành A vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Trần Thị Xuân T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thành A. Anh A có nơi cư trú tại ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Long An. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

Bị đơn anh Nguyễn Thành A đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia vụ án nhưng đều vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh An.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Xuân T và anh Nguyễn Thành A chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2007 là hôn nhân hợp pháp. Theo chị T nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống và do anh A không quan tâm chăm lo cho vợ con, chị T không còn tình cảm với anh A nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh A.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh A nhưng anh A không đến Tòa án, chứng tỏ anh A không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị T để vợ chồng đoàn tụ, chị T cương quyết ly hôn vì cho rằng vợ chồng đã ly thân, chị T không còn tình cảm với anh A và không có khả năng hàn gắn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh A đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị T yêu cầu được ly hôn với anh A là có căn cứ. Do đó, cần áp dụng Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Xuân T.

[2.2] Về nuôi con chung: Theo chứng cứ do chị T cung cấp, chị T và anh A có 02 con chung là cháu Nguyễn Trần Hoàng A1, sinh ngày: 28/6/2007 và cháu Nguyễn Ngọc A2, sinh ngày 23/11/2012. Xét thấy, chị T là người đang trực tiếp nuôi các cháu và đã có cuộc sống ổn định; nguyện vọng cháu A1 và cháu A2 mong muốn được sống với chị T; điều này phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử quyết định cho chị T được tiếp tục nuôi cháu A1 và cháu A2.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Tg yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 2.000.000đồng/tháng. Anh A không có văn bản trình bày về vấn đề này nên cần áp dụng mức cấp dưỡng theo quy định pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy: căn cứ

Điều 92 Luật Hôn nhân và Gia đình 2000; Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 thì cha mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên trong trường hợp không sống chung với con. Mức cấp dưỡng nuôi con theo công văn số 24/1999/KHXX ngày 17/3/1999 của Tòa án nhân dân Tối cao quy định người không trực tiếp nuôi con có trách nhiệm cấp dưỡng hàng tháng mỗi cháu bằng $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử hiện tại là 1.490.000đồng/tháng. Như vậy, mức cấp dưỡng mà chị T yêu cầu cao hơn so mức cấp dưỡng theo quy định pháp luật, vì vậy anh A chỉ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu A1 và cháu A2 mỗi cháu 745.000đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng từ ngày 01/02/2021 cho đến khi các con tròn 18 tuổi.

[2.3] Về chia tài sản và nợ chung: Do anh A không có văn bản trình bày vấn đề này, chị T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu các đương sự có tranh chấp, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn yêu cầu.

[2.4] Về án phí: Chị Trần Thị Xuân T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và anh Nguyễn Thành A phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Xuân T và anh Nguyễn Thành A được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Xuân T về việc “Ly hôn” với anh Nguyễn Thành A.

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Xuân T được ly hôn với anh Nguyễn Thành A.

2. Về nuôi con chung: Chị Trần Thị Xuân T được tiếp tục nuôi con chung là cháu Nguyễn Trần Hoàng A1, sinh ngày: 28/6/2007 và cháu Nguyễn Ngọc A2, sinh ngày 23/11/2012. Anh Nguyễn Thành A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu A1 và cháu A2 mỗi cháu 745.000đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng từ ngày 01/02/2021 cho đến khi các con tròn 18 tuổi.

Bên không nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể thay đổi người nuôi dưỡng cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

3.Về án phí: Chị Trần Thị Xuân T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0008981 ngày 26/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đước.

Anh Nguyễn Thành A phải chịu 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Đước;
- Chi cục THADS huyện Cần Đước;
- UBND nơi ĐKKH;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thanh Nhung

